

I. TRẮC NGHIỆM (3 điểm)

Câu 1: Ở những nước phát triển, tỉ suất tử thô thường cao là do tác động chủ yếu của các yếu tố nào sau đây?

- A. Dịch bệnh. B. Động đất. C. Bão lụt. D. Dân số già.

Câu 2: Đặc điểm của đô thị hóa **không** phải là

- A. phổ biến rộng rãi lối sống thành thị. B. dân cư tập trung vào các thành phố lớn.
C. dân cư thành thị theo hướng tăng nhanh. D. phổ biến nhiều loại giao thông thành thị.

Câu 3: Cây lương thực bao gồm

- A. lúa gạo, lúa mì, ngô, mía. B. lúa gạo, lúa mì, ngô, đậu.
C. lúa gạo, lúa mì, ngô. D. lúa gạo, lúa mì, ngô, lạc.

Câu 4: Nông nghiệp hiểu theo nghĩa rộng, gồm:

- A. trồng trọt, chăn nuôi, thủy sản. B. chăn nuôi, lâm nghiệp, thủy sản.
C. trồng trọt, lâm nghiệp, thủy sản. D. nông, lâm nghiệp, ngư nghiệp.

Câu 5: Nhân tố ảnh hưởng làm cho sản xuất nông nghiệp có tính bất bình là

- A. khí hậu. B. sinh vật. C. nguồn nước. D. đất đai.

Câu 6: Lí do nào sau đây là quan trọng nhất làm cho các nước đang phát triển, đông dân coi đẩy mạnh nông nghiệp là nhiệm vụ chiến lược hàng đầu?

- A. bảo đảm nguyên liệu cho công nghiệp thực phẩm.
B. cung cấp lương thực, thực phẩm cho con người.
C. sản xuất ra những mặt hàng có giá trị xuất khẩu.
D. cung cấp hầu hết tư liệu sản xuất cho các ngành.

Câu 7: Gia tăng cơ học **không** có ảnh hưởng lớn đến vấn đề dân số của

- A. khu vực. B. quốc gia. C. thế giới. D. các vùng.

Câu 8: Dân cư thường tập trung đông đúc ở khu vực nào sau đây?

- A. Các bồn địa và cao nguyên. B. Đồng bằng phù sa màu mỡ.
C. Các nơi là địa hình núi cao. D. Vùng sa mạc

Câu 9: Tỉ suất gia tăng dân số tự nhiên là

- A. hiệu số giữa người suất cư, nhập cư. B. hiệu số giữa tỉ suất sinh và tỉ suất tử.
C. tổng số giữa người xuất cư, nhập cư D. tổng số giữa tỉ suất sinh và tỉ suất tử.

Câu 10: Biện pháp chung để đẩy nhanh nền nông nghiệp hàng hóa trong nền kinh tế hiện đại là

- A. hình thành và phát triển các vùng chuyên môn hóa nông nghiệp.
B. nâng cao sản suất và chất lượng các cây công nghiệp lâu năm.
C. phát triển quy mô diện tích các loại cây công nghiệp hàng năm.
D. tích cực mở rộng thị trường xuất khẩu nông sản đặc thù.

Câu 11: Cơ cấu ngành kinh tế gồm các bộ phận:

- A. Nông – lâm – ngư nghiệp, khu vực ở trong nước và dịch vụ.
B. Công nghiệp - xây dựng, dịch vụ và khu vực trong nước.
C. Nông – lâm – ngư nghiệp, công nghiệp – xây dựng và dịch vụ.
D. Công nghiệp – xây dựng, dịch vụ và khu vực ngoài nước.

Câu 12: Lúa gạo là cây phát triển tốt nhất trên đất

- A. phù sa, cần có nhiều phân bón. B. màu mỡ, cần nhiều phân bón.
C. ẩm, nhiều mùn, dễ thoát nước. D. ẩm, tầng mùn dày, nhiều sét.

II. TỰ LUẬN (7 điểm)**Câu 1: (3,0 đ)**

- a. Kể tên các đặc điểm của sản xuất nông nghiệp.
- b. Đặc điểm nào của sản xuất nông nghiệp là quan trọng nhất. Vì sao?

Câu 2: (4.0 đ) Cho bảng số liệu sau:**Sản lượng thủy sản thế giới giai đoạn 2009 – 2017. (ĐV: Triệu tấn)**

Năm	2009	2011	2012	2013	2017
Sản lượng thủy sản khai thác	90,2	93,7	91,3	92,7	96,6
Sản lượng thủy sản nuôi trồng	55,7	61,8	66,5	70,2	78,9

- a. Dựa vào bảng số liệu trên hãy vẽ biểu đồ cột so sánh sản lượng thủy sản khai thác và nuôi trồng của thế giới giai đoạn 2009 – 2017.
- b. Nhận xét và giải thích tình hình phát triển ngành thủy sản thế giới giai đoạn trên.

.....Hết.....

ĐÁP ÁN

- 1 D
- 2 D
- 3 C
- 4 D
- 5 A
- 6 B
- 7 C
- 8 B
- 9 B
- 10 A
- 11 C
- 12 A

II. TỰ LUẬN (7đ)

Câu	Nội dung	Điểm
Câu 1	a. Đặc điểm của sản xuất NN:	
	- Đất trồng là tư liệu sản xuất chủ yếu và không thể thay thế được.	0.25
	- Đối tượng của sản xuất nông nghiệp là cây trồng và vật nuôi.	0,25
	- Sản xuất nông nghiệp có tính mùa vụ.	0,25
	- Sản xuất nông nghiệp phụ thuộc vào điều kiện tự nhiên.	0,25
	- Trong nền kinh tế hiện đại, nông nghiệp trở thành ngành sản xuất hàng hóa.	0,25
	b. Đặc điểm quan trọng nhất: Đất trồng là tư liệu sản xuất chủ yếu và không thể thay thế được.	0.75
	* Vì:	
	+ Không thể sản xuất nông nghiệp nếu không có đất.	0,25
	+ Đất dùng để phân biệt giữa nông nghiệp và công nghiệp	0,25

A- Là ngành sản xuất ra một khối lượng sản phẩm rất lớn cho xã hội

B- Có tác dụng thúc đẩy sự phát triển các ngành kinh tế khác

C- Cho phép khai thác có hiệu quả các tài nguyên thiên nhiên

D-Nối liền khâu sản xuất với tiêu dùng

Câu 5: Ngành công nghiệp đòi hỏi không gian rộng là:

A- Điện tử, tin học B- Hóa chất C- Khai thác gỗ D- Giày da

Câu 6: Tiềm năng dầu khí lớn nhất ở khu vực:

A- Bắc Mỹ B- Tây Nam Á C- Liên Bang Nga D- Châu Phi

Câu 7: Các hoạt động dịch vụ như: giao thông vận tải, thông tin liên lạc, tài chính, bảo hiểm, kinh doanh bất động sản thuộc cơ cấu ngành dịch vụ:

A- Dịch vụ kinh doanh B- Dịch vụ tiêu dùng
C- Dịch vụ công D- Không thuộc loại dịch vụ nào

Câu 8: Dịch vụ là ngành

A- Chiếm tỉ trọng cao trong cơ cấu GDP của các nước trên thế giới
B- Chiếm tỉ trọng cao trong cơ cấu GDP của các nước phát triển
C- Chiếm tỉ trọng khá thấp trong cơ cấu GDP của các nước đang phát triển
D- Chiếm tỉ trọng khá thấp trong cơ cấu GDP của các nước phát triển

Câu 9: Phương tiện vận tải gây ô nhiễm môi trường nhiều nhất hiện nay là

A- máy bay B- ô tô C- tàu hỏa D- tàu biển

Câu 10: Kênh đào Xuyê là kênh đào rút ngắn khoảng cách đi từ

A- Đại Tây Dương sang Ấn Độ Dương B- Thái Bình Dương sang Ấn Độ Dương
C- Ấn Độ Dương sang Bắc Băng Dương D- Đại Tây Dương sang Bắc Băng Dương

Câu 11: Tiền tệ đem ra trao đổi trên thị trường có thể được xem là

A- thước đo giá trị hàng hóa B- thị trường
C- loại hàng hóa D- loại dịch vụ

Câu 12: Theo quy luật cung cầu, khi cung lớn hơn cầu thì

A- giá cả có xu hướng tăng B- giá cả ổn định
C- giá cả có xu hướng giảm D- giá cả lúc tăng, lúc giảm

TỰ LUẬN :(7 điểm)

Câu 1(1,5 điểm): Hoàn thiện nội dung sau :

1- Môi trường sống của con người là gì? Các chức năng của môi trường địa lí.

2- Sự khác nhau giữa môi trường tự nhiên và môi trường nhân tạo.

Câu 2(2,5 điểm): Chứng minh nhân tố tự nhiên ảnh hưởng đến sự phát triển và phân bố ngành giao thông vận tải ? Trình bày ưu điểm,nhược điểm của giao thông vận tải đường ô tô.

Câu 3 (3 điểm): Cho bảng số liệu sau

Quốc gia	Giá trị xuất khẩu (tỉ USD)	Dân số (triệu người)
Hoa Kì	819,0	293,6
Trung Quốc	858,9	1306,9
Nhật Bản	566,5	127,6

a) Vẽ biểu đồ hình cột thể hiện giá trị xuất khẩu của các quốc gia trên.

b) Tính giá trị xuất khẩu bình quân theo đầu người của các quốc gia.

Cán bộ coi thi không giải thích gì thêm. Thí sinh không được dùng atlas!

ĐÁP ÁN VÀ THANG ĐIỂM

Phần trắc nghiệm:

1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
A	B	C	D	C	B	A	B	B	A	A	C

Phần tự luận:

NỘI DUNG	ĐIỂM
Câu 1:	1.5 điểm
1- Môi trường sống của con người là toàn bộ hoàn cảnh bao quanh con người, có ảnh hưởng đến sự sống, phát triển và chất lượng cuộc sống của con người	0.5 đ
Chức năng của môi trường:	0.5 đ
- Là không gian sống của con người	
- Là nơi cung cấp tài nguyên cho con người	
- Là nơi chứa đựng các chất phế thải do con người tạo ra trong quá trình sản xuất và sinh hoạt	0.5đ
2- Sự khác nhau giữa môi trường tự nhiên và nhân tạo :	
- Môi trường tự nhiên có sẵn trên trái đất, không phụ thuộc vào con người và phát triển theo quy luật tự nhiên của nó	
- Môi trường nhân tạo do con người tạo ra ,tồn tại và phát triển phụ thuộc vào con người	

uigeli.xyz ĐỀ 3	ĐỀ THI HỌC KỲ II Môn Địa Lí 10 <i>Thời gian: 45 phút</i>
----------------------------------	--

Câu 1(3,0 điểm): Em hãy nêu những ưu điểm và nhược điểm của các ngành giao thông vận tải đường biển và đường hàng không.

Câu 2(3,5 điểm): Cho bảng số liệu

Giá trị xuất khẩu và nhập khẩu hàng hóa của một số nước năm 2004.

(Đơn vị: tỉ USD)

Tên nước	Xuất khẩu	Nhập khẩu
Hoa kì	819	1526,4
CHLB Đức	914,8	717,5
Nhật bản	565,8	454,5
Pháp	451	464,1

a, Vẽ biểu đồ cột nhóm thể hiện giá trị xuất khẩu và nhập khẩu hàng hóa của một số nước năm 2004.

b, Nhận xét.

Câu 3 (3,5 điểm):

Em hãy phân tích tác động của các ngành kinh tế đến ngành giao thông vận tải thông qua yếu tố khách hàng. Lấy ví dụ chứng minh.

.....*Thí sinh được sử dụng Atlas địa lí*.....

ĐÁP ÁN

Câu	Ý	Nội dung	Điểm
-----	---	----------	------

Câu1		<p>Ưu điểm và nhược điểm của các ngành giao thông vận tải đường biển và đường hàng không.</p> <p>-Đường biển:+ Ưu điểm: chuyên chở khối lượng hàng hóa rất lớn, chiếm 3/5 khối lượng hàng hóa thế giới, giá rẻ, chuyên chở dầu mỏ, khí đốt, quân sự, vận chuyển trên quãng đường dài.</p> <p>+Nhược điểm: Gây ô nhiễm môi trường biển, tràn dầu, gặp tai nạn do bão gây ra,vỡ tàu</p> <p>-Đường hàng không:+ Ưu điểm: tốc độ chạy nhanh không phương tiện nào sánh kịp, hiện đại ,tiện nghi, chở được nhiều hàng hóa và người.</p> <p>+ Nhược điểm: Giá thành đắt, dễ gây ô nhiễm môi trường thùng tăng ô zôn, dễ xảy ra tai nạn, khí hậu xấu không cất cánh được, gây bệnh ung thư, bệnh ngoài da...</p>	<p>1,0đ</p> <p>2,0đ</p>
		<p>Câu2</p> <p>a Vẽ biểu đồ cột nhóm thể hiện giá trị xuất khẩu và nhập khẩu hàng hóa của một số nước năm 2004.</p> <p>-Yêu cầu học sinh chọn được biểu đồ phù hợp với yêu cầu của đề bài: Biểu đồ cột nhóm.</p> <p>-Không phải sử lí số liệu. Vẽ tám cột mỗi quốc gia 2 cột gần nhau, có chú giải ,tên biểu đồ.</p> <p><i>(Chú ý nếu học sinh vẽ sai hoặc thiếu thì trừ điểm).</i></p> <p>-Nhận xét:</p> <p>b +Nhìn chung giá trị xuất khẩu và nhập khẩu của các nước là khác nhau.</p> <p>+ Xuất khẩu của Đức đứng đầu,hoa kì đứng thứ 2 (số liệu)</p> <p>+Nhập khẩu của Hoa kì đứng đầu, thứ 2 Đức (số liệu)</p> <p>Đức và Hoa kì đứng đầu trong xuất khẩu và nhập khẩu, Nhật và Pháp cũng có giá trị xuất khẩu và nhập khẩu khá cao (dẫn chứng)</p>	<p>2,0đ</p> <p>1,5đ</p>
Câu3		<p>Em hãy phân tích tác động của các ngành kinh tế đến ngành giao thông vận tải thông qua yếu tố khách hàng. Lấy ví dụ chứng minh.</p> <p>-Khách hàng:</p> <p>+ Yêu cầu về khối lượng vận tải</p> <p>+ yêu cầu về cự li vận tải</p> <p>+ Yêu cầu về tốc độ vận chuyển,các yêu cầu khác</p>	<p>1,5đ</p>

	<p>Vì vậy cần lựa chọn loại hình vận tải phù hợp với hướng và cường độ vận chuyển.</p> <p>Lấy ví dụ :</p> <p>+Khách hàng cần chở quặng sắt khối lượng nhiều, cần giá cước rẻ, không cần nhanh nên sử dụng đường sắt</p> <p>+Khách hàng cần vận chuyển hàng hóa cự li ngắn khoảng 2km lựa chọn đường ô tô, hoặc xa 700km chọn đường hàng không.</p> <p>+Chuyển hoa tươi, hoa quả lựa chọn loại xe đông lạnh...</p> <p>(chú ý nếu học sinh nêu các ví dụ khác mà đúng vẫn cho điểm)</p>	2,0đ
--	---	------

uigeli.xyz ĐỀ 4	ĐỀ THI HỌC KỲ II Môn Địa Lí 10 <i>Thời gian: 45 phút</i>
---------------------------	--

Câu 1(3 điểm):

Em hãy nêu ưu điểm và nhược điểm của đường ô tô và đường sắt.

Câu 2(3,5 điểm): Cho bảng số liệu sau:

Giá trị xuất khẩu và nhập khẩu hàng hóa của một số nước năm 2004.

(Đơn vị: tỉ USD)

Tên nước	Xuất khẩu	Nhập khẩu
Anh	345,6	462
Ca- na- đa	322	275,8
Trung quốc (Kể cả Hồng Công)	858,9	834,4

I-ta-li-a	346	349
-----------	-----	-----

a, Vẽ biểu đồ cột nhóm thể hiện giá trị xuất khẩu và nhập khẩu hàng hóa của một số nước năm 2004.

b, Nhận xét.

Câu 3 (3,5điểm):

Em hãy phân tích tác động của các ngành kinh tế đến ngành giao thông vận tải thông qua yếu tố khách hàng. Lấy ví dụ chứng minh.

.....Thí sinh được sử dụng Atlas địa lí.....

Câu	Ý	Nội dung	Điểm
Câu1		<p>Ưu điểm và nhược điểm của các ngành giao thông vận tải đường ô tô và đường sắt.</p> <p>-Đường ô tô:+ Ưu điểm: giá thành rẻ ,đi trên mọi loại địa hình dốc, chở nhiều hàng hóa và con người, tiện lợi, tính cơ động, cự ly vận chuyển ngắn, trung bình.</p> <p>+Nhược điểm: Gây ô nhiễm môi trường , tai nạn, ùn tắc giao thông, khói bụi, tiêu hao xăng dầu..</p> <p>-Đường sắt:+ Ưu điểm: tốc độ chạy nhanh, chở được nhiều hàng hóa và người, đi trên tuyến đường xa, ổn định ,giá rẻ</p> <p>+ Nhược điểm: chỉ hoạt động trên đường ray đặt sẵn, tai nạn, hiện nay khổ ray còn hẹp...</p>	<p>1,0đ</p> <p>2,0đ</p>
Câu2	a	<p>Vẽ biểu đồ cột nhóm thể hiện giá trị xuất khẩu và nhập khẩu hàng hóa của một số nước năm 2004.</p> <p>-Yêu cầu học sinh chọn được biểu đồ phù hợp với yêu cầu của đề bài: Biểu đồ cột nhóm.</p> <p>-Không phải sử lý số liệu. Vẽ tám cột mỗi quốc gia 2 cột gần nhau, có chú giải ,tên biểu đồ.</p>	2,0đ
	b	(Chú ý nếu học sinh vẽ sai hoặc thiếu thì trừ điểm).	

	<p>-Nhận xét:</p> <p>+Nhìn chung giá trị xuất khẩu và nhập khẩu của các nước là khác nhau.</p> <p>+ Xuất khẩu của Trung quốc đứng đầu,I-ta-li-a đứng thứ 2 (số liệu)</p> <p>+Nhập khẩu của Trung quốc đứng đầu, thứ 2 I-ta-li-a (số liệu)</p> <p>Trung quốc và I-ta-li-a đứng đầu trong xuất khẩu và nhập khẩu, Anh và ca-na-đa cũng có giá trị xuất khẩu và nhập khẩu khá cao (dẫn chứng)</p>	1,5đ
Câu3	<p>Em hãy phân tích tác động của các ngành kinh tế đến ngành giao thông vận tải thông qua yếu tố khách hàng. Lấy ví dụ chứng minh.</p> <p>-Khách hàng:</p> <p>+ Yêu cầu về khối lượng vận tải</p> <p>+ yêu cầu về cự li vận tải</p> <p>+ Yêu cầu về tốc độ vận chuyển,các yêu cầu khác</p> <p>Vì vậy cần lựa chọn loại hình vận tải phù hợp với hướng và cường độ vận chuyển.</p> <p>Lấy ví dụ :</p> <p>+Khách hàng cần chở quặng sắt khối lượng nhiều, cần giá cước rẻ,không cần nhanh nên sử dụng đường sắt</p> <p>+Khách hàng cần vận chuyển hàng hóa cự li ngắn khoảng 2km lựa chọn đường ô tô, hoặc xa 700km chọn đường hàng không.</p> <p>+Chuyển hoa tươi, hoa quả lựa chọn loại xe đông lạnh...</p> <p>(chú ý nếu học sinh nêu các ví dụ khác mà đúng vẫn cho điểm)</p>	1,5đ
		2,0đ

uigeli.xyz ĐỀ 5	ĐỀ THI HỌC KỲ II Môn Địa Lí 10 <i>Thời gian: 45 phút</i>
---------------------------	--

Câu 1: Truyền thống văn hóa, phong tục tập quán có ảnh hưởng không nhỏ đến

- A. trình độ phát triển ngành dịch vụ. B. mức độ tập trung ngành dịch vụ.
C. **tổ chức dịch vụ.** D. hiệu quả ngành dịch vụ.

Câu 2: Ngành dịch vụ nào dưới đây *không thuộc* nhóm ngành dịch vụ kinh doanh?

- A. Giao thông vận tải. B. Tài chính. C. Bảo hiểm. D. **Các hoạt động đoàn thể.**

Câu 3: Nhân tố nào sau đây có tác động tới nhịp độ phát triển và cơ cấu ngành dịch vụ?

- A. **Quy mô dân số, lao động.** B. Phân bố dân cư.
C. Truyền thống văn hóa. D. Trình độ phát triển kinh tế.

Câu 4: Các trung tâm lớn nhất thế giới về cung cấp các loại dịch vụ là

- A. **NewYork, Luân Đôn, Tô-ki-ô.** B. NewYork, Luân Đôn, Pa-ri.
C. Oa - sinh - tơn, Luân Đôn, Tô-ki-ô. D. Xingapo, NewYork, Luân Đôn, Tô-ki-ô.

Câu 5: Để đánh giá hoạt động của ngành giao thông vận tải, người ta thường dựa vào

- A. số lượng phương tiện của tất cả các ngành giao thông vận tải.
B. tổng chiều dài các loại đường.
C. **khối lượng vận chuyển và khối lượng luân chuyển.**
D. trình độ hiện đại của các phương tiện và đường sá.

Câu 6: Sản phẩm của ngành giao thông vận tải là

- A. đường xá và xe cộ. B. **sự chuyên chở người và hàng hóa.**
C. đường xá và phương tiện. D. sự tiện nghi và an toàn cho hành khách và hàng hóa.

Câu 7: Đặc điểm nào sau đây *không phải* của ngành giao thông vận tải?

- A. Sản phẩm là sự chuyên chở người và hàng hóa.
B. Chất lượng của sản phẩm được đo bằng tốc độ chuyên chở, sự tiện nghi và an toàn
C. **Làm thay đổi giá trị của sản phẩm vận chuyển.**
D. Chỉ tiêu đánh giá là khối lượng vận chuyển, khối lượng luân chuyển và cự li vận chuyển trung bình.

Câu 8: Giao thông vận tải có vai trò quan trọng vì

- A. phục vụ nhu cầu đi lại của con người.
B. gắn nền kinh tế trong nước với nền kinh tế thế giới.
C. Tạo điều kiện hình thành các vùng sản xuất chuyên môn hóa.
D. **Tạo mối quan hệ kinh tế xã hội giữa các vùng trong nước và giữa các nước trên thế giới.**

Câu 9: Trong các điều kiện tự nhiên, yếu tố nào sau đây ít ảnh hưởng đến hoạt động giao thông vận tải nhất?

- A. Khí hậu. B. Địa hình. C. Khoáng sản. D. **Sinh vật.**

Câu 10: Khi lựa chọn loại hình giao thông vận tải và thiết kế các công trình giao thông, yếu tố đầu tiên phải chú ý đến là:

- A. Trình độ kỹ thuật. B. Vốn đầu tư. C. Dân cư. D. **Điều kiện tự nhiên**

Câu 11: Loại phương tiện vận tải được sử dụng như là phương tiện vận tải phối hợp giữa nhiều loại hình giao thông vận tải là:

- A. Đường ô tô. B. Đường sắt. C. Đường thủy. D. Đường hàng không.

Câu 12: Ở nước ta loại hình giao thông vận tải nào đang chiếm ưu thế?

- A. Đường sắt. B. Đường biển. C. Đường ô tô. D. Đường sông.

Câu 13: Ngành trẻ nhất trong các loại hình vận tải là:

- A. Đường ô tô. B. Đường ống. C. Đường sắt. D. Đường hàng không.

Câu 14: Điểm giống nhau dễ nhận thấy trong ngành vận tải đường ống giữa các nước phát triển và đang phát triển là:

- A. Đây là ngành có tốc độ phát triển nhanh nhất. B. Thường gắn liền với các cảng biển. C. Đây là ngành có vai trò quan trọng nhất. D. Tất cả đều được xây dựng ở nửa sau thế kỉ XIX.

Câu 15: Những nước phát triển mạnh ngành vận tải đường sông hồ là:

- A. Những nước ở Châu Âu nhờ vào hệ thống sông Đa-nuyp và Rai-nơ. B. Hoa Kỳ, Ca-na-đa và Nga. C. Các nước ở vùng khí hậu lạnh có hiện tượng băng hà nên có nhiều hồ. D. Các nước Châu Á và Châu Phi có nhiều sông lớn.

Câu 16: Phần lớn các cảng biển đều nằm ở Đại Tây Dương vì:

- A. Có bờ biển khúc khuỷu dễ dàng xây dựng các cảng biển. B. Nối liền hai trung tâm kinh tế lớn là Hoa Kỳ và Nhật Bản. C. Nối liền hai trung tâm kinh tế lớn là Bắc Mỹ và Tây Âu. D. Nối liền hai trung tâm kinh tế lớn là Châu Âu và Hoa Kỳ.

Câu 17: Cảng biển lớn nhất của Đông Nam Á hiện nay là

- A. Y-ô-kô-ha-ma. B. Thượng Hải. C. Xin-ga-po. D. Kô-bê

Câu 18: Hai ngành vận tải đường hàng không và đường biển tuy có nhiều cách biệt nhưng cũng có chung một đặc điểm, đó là:

- A. An toàn. B. Hiện đại. C. Phương tiện lưu thông quốc tế. D. Có khối lượng vận chuyển lớn.

Câu 19: Các cường quốc hàng không trên thế giới hiện nay là:

- A. Hoa Kỳ, Anh, Pháp, Liên Bang Nga. B. Hoa Kỳ, Anh, Pháp, CHLB Đức. C. Hoa Kỳ, Liên Bang Nga, Anh, Nhật. D. Hoa Kỳ, Liên Bang Nga, Pháp, Nhật.

Câu 20: Các kênh biển được xây dựng nhằm mục đích:

- A. Nối liền các châu lục được dễ dàng. B. Rút ngắn khoảng cách vận tải trên biển. C. Dễ dàng nối các trung tâm kinh tế lớn lại với nhau. D. Hạn chế bớt tai nạn cho tàu thuyền vì kín gió hơn ngoài đại dương.

Câu 21: Loại hàng hóa vận chuyển chủ yếu bằng đường biển là

- A. sắt thép và xi măng. B. hành khách. C. khoáng sản kim loại và nông sản. D. dầu mỏ và sản phẩm của dầu mỏ.

Câu 22: Cho bảng số liệu:

KHỐI LƯỢNG VẬN CHUYỂN VÀ KHỐI LƯỢNG LUÂN CHUYỂN
CỦA CÁC PHƯƠNG TIỆN VẬN TẢI NƯỚC TA, NĂM 2003

Phương tiện vận tải	Khối lượng vận chuyển (nghìn tấn)	Khối lượng luân chuyển (triệu tấn.km)	Cự li vận chuyển trung bình (Km)
Đường sắt	8385,0	2725,4	
Đường ô tô	175 856,2	9402,8	
Đường sông	55 258,6	5140,5	
Đường biển	21 811,6	43 512,6	
Đường hàng không	89,7	210,7	
Tổng số	261 401,1	600 992,0	

Từ bảng số liệu cho biết phương tiện vận tải nào có cự li vận chuyển trung bình lớn nhất?

- A. Đường ô tô. B. Đường biển. C. Đường hàng không. D. Đường sắt.

Câu 23: "Marketing" được hiểu là:

- A. Giới thiệu sản phẩm hàng hóa đến người tiêu dùng. B. Bán hàng cho người tiêu dùng với lời giới thiệu về sản phẩm.

- C. Tìm hiểu phân tích thị trường để đáp ứng cho phù hợp.
D. Điều tiết cung cầu cho phù hợp với thị trường.

Câu 24: Cán cân xuất nhập khẩu được hiểu là:

- A. Quan hệ so sánh giữa xuất khẩu và nhập khẩu.
B. Quan hệ so sánh giữa khối lượng hàng xuất khẩu và nhập khẩu với nhau.
C. Quan hệ so sánh giữa giá trị hàng xuất khẩu với giá trị hàng nhập khẩu.
D. Quan hệ so sánh giữa tỉ lệ xuất khẩu và tỉ lệ nhập khẩu.

Câu 25: Thương mại ở các nước đang phát triển thường có tình trạng

- A. ngoại thương phát triển hơn nội thương. B. xuất khẩu lớn hơn nhập khẩu.
C. nhập khẩu lớn hơn xuất khẩu. D. xuất khẩu dịch vụ thương mại.

Câu 26: Khi cung nhỏ hơn cầu thì giá cả

- A. có xu hướng giảm, sản xuất có nguy cơ đình đốn. B. có xu hướng giảm, kích thích mở rộng sản xuất.
C. có xu hướng tăng, kích thích mở rộng sản xuất. D. có xu hướng tăng, sản xuất có nguy cơ đình đốn.

Câu 27: Ý nào không đúng với vai trò của ngành nội thương?

- A. Góp phần đẩy mạnh chuyên môn hóa sản xuất.
B. Làm nhiệm vụ trao đổi hàng hóa, dịch vụ trong một quốc gia.
C. Gắn thị trường trong nước với thị trường thế giới rộng lớn.
D. Góp phần phân công lao động theo vùng và theo lãnh thổ.

Câu 28: Ý nào không đúng với vai trò của ngành ngoại thương?

- A. Làm nhiệm vụ trao đổi hàng hóa, dịch vụ giữa các quốc gia.
B. Gắn thị trường trong nước với thị trường nước ngoài rộng lớn.
C. Góp phần làm tăng nguồn thu ngoại tệ cho đất nước.
D. Góp phần phân công lao động theo vùng và theo lãnh thổ.

Câu 29: Xuất siêu là tình trạng

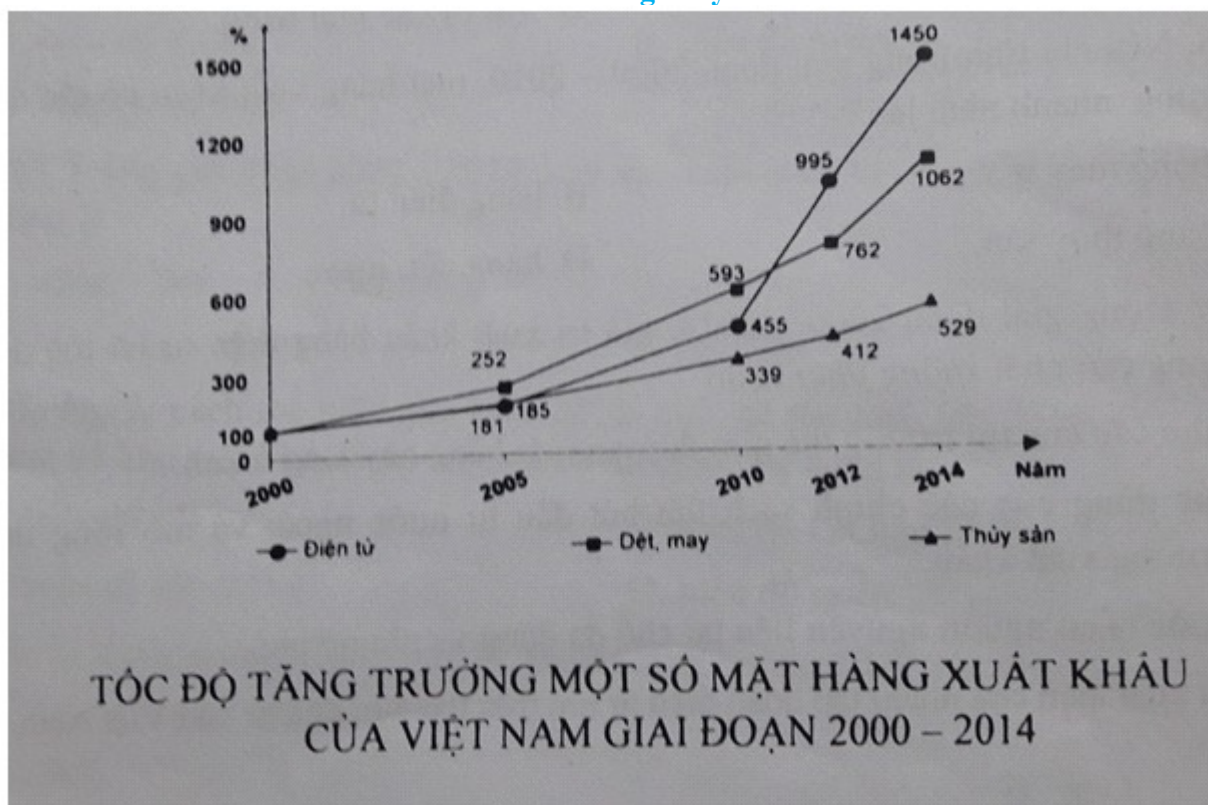
- A. giá trị hàng xuất khẩu lớn hơn giá trị hàng nhập khẩu.
B. xuất khẩu rất lớn của các nước phát triển tràn ngập trong thị trường thế giới.
C. khối lượng hàng xuất khẩu quá lớn làm cho hàng hóa bị ứ đọng.
D. khối lượng hàng xuất khẩu lớn trong khi khối lượng hàng nhập khẩu nhỏ.

Câu 30: Ngoại tệ mạnh được hiểu là:

- A. Đồng tiền có mệnh giá lớn.
B. Đồng tiền của những nước có tình trạng xuất siêu.
C. Đồng tiền của những nước có kinh tế phát triển, thông dụng trong giao dịch quốc tế và chi phối mạnh kinh tế thế giới.
D. Đồng tiền được nhiều nước sử dụng.

Đọc và trả lời các câu hỏi từ câu 31 đến câu 32

Cho biểu đồ dưới đây



Từ biểu đồ, trả lời các câu hỏi 31,32

Câu 31: Biểu đồ đã cho được gọi là:

- A. Biểu đồ đường. B. Biểu đồ miền. C. Biểu đồ kết hợp. D. Biểu đồ tròn.

Câu 32: Nhìn vào biểu đồ đã cho, trong giai đoạn 2000-2014, mặt hàng xuất khẩu có tốc độ tăng trưởng lớn nhất là:

- A. Hàng dệt, may. B. Hàng điện tử. C. Hàng thủy sản. D. Tất cả các mặt hàng.

Câu 33: Các yếu tố tự nhiên và yếu tố vật chất nhân tạo quan hệ mật thiết với nhau, bao quanh con người, có ảnh hưởng tới đời sống, sản xuất, sự tồn tại, sự phát triển của con người và thiên nhiên, được gọi chung là:

- A. Điều kiện tự nhiên. B. Thiên nhiên. C. Môi trường. D. Tài nguyên.

Câu 34: Môi trường tự nhiên có vai trò:

- A. Cung cấp các điều kiện sống cho con người.
B. Định hướng các hoạt động của con người.
C. Quyết định sự phát triển của xã hội.
D. Cung cấp những tiện nghi, phương tiện cho con người.

Câu 35: Chia tài nguyên thành 3 loại: tài nguyên có thể phục hồi, tài nguyên không thể phục hồi và tài nguyên không thể hao kiệt là dựa vào

- A. thuộc tính tự nhiên. B. khả năng tái sinh.
C. môi trường hình thành. D. công dụng kinh tế.

Câu 36: Theo khả năng có thể bị hao kiệt trong quá trình sử dụng của con người, rừng được xếp vào loại tài nguyên:

- A. Không phục được B. Không khôi phục được
C. Có thể bị hao kiệt D. Có thể bị hao kiệt và khôi phục được

Câu 37: Nhận định nào sau đây không đúng về môi trường tự nhiên?

- A. Cơ sở vật chất của sự sống.
B. Nhân tố quyết định đến sự tồn tại và phát triển xã hội.
C. Cơ sở của sự tồn tại xã hội.
D. Điều kiện thường xuyên và cần thiết để phát triển xã hội.

Câu 38: Nhận định nào không đúng về môi trường nhân tạo?

- A. Là kết quả lao động của con người.
B. Tồn tại phụ thuộc vào con người.
C. Phát triển theo các quy luật riêng của nó.
D. Sẽ tự hủy hoại nếu không được sự chăm sóc của con người.

Câu 39: Đặc điểm nào dưới đây thuộc về môi trường nhân tạo ?

- A. Các thành phần của môi trường nhân tạo sẽ bị hủy hoại nếu không có bàn tay chăm sóc của con người.
- B. Môi trường nhân tạo phát triển theo quy luật riêng của nó.
- C. Môi trường nhân tạo không phụ thuộc vào con người.
- D. Môi trường nhân tạo phát triển theo các quy luật tự nhiên.

Câu 40: Môi trường sống của con người bao gồm:

- A. Môi trường không khí, môi trường nước, môi trường đất.
- B. Môi trường sinh vật, môi trường địa chất, môi trường nước.
- C. Môi trường tự nhiên, môi trường nhân tạo, môi trường xã hội.
- D. Môi trường tự nhiên, môi trường không khí, môi trường nước.

----- Hết -----

I/ TRẮC NGHIỆM (12 câu; 3,0 điểm)**Chọn đáp án đúng nhất.****Câu 1:** Môi trường sống của con người bao gồm:

- A. Môi trường tự nhiên và môi trường nhân tạo.
- B. Môi trường tự nhiên và môi trường xã hội.
- C. Môi trường xã hội và môi trường nhân tạo.
- D. Môi trường tự nhiên, môi trường nhân tạo và môi trường xã hội.

Câu 2: Trong các hoạt động dưới đây, hoạt động nào không thuộc nhóm dịch vụ kinh doanh:

- A. Kinh doanh bất động sản.
- B. Thông tin liên lạc.
- C. Giao thông vận tải.
- D. Bán buôn, bán lẻ.

Câu 3: Thương mại là:

- A. Nơi gặp gỡ giữa người bán và người mua.
- B. Khâu nối liền sản xuất với tiêu dùng.
- C. Ngành làm nhiệm vụ trao đổi hàng hóa, dịch vụ trong một quốc gia.
- D. Ngành làm nhiệm vụ trao đổi hàng hóa, dịch vụ giữa các quốc gia.

Câu 4: Sự phát triển của khoa học kỹ thuật làm cho danh mục tài nguyên thiên nhiên có xu hướng:

- A. Ngày càng cạn kiệt.
- B. Ổn định, ít thay đổi.
- C. Mở rộng.
- D. Thu hẹp.

Câu 5: Năm 2010, khối lượng vận chuyển và khối lượng luân chuyển đường sắt nước ta lần lượt là 7861,5 nghìn tấn và 3960,9 triệu tấn.km. Cự li vận chuyển trung bình:

- A. 503,8 km.
- B. 198,5 km.
- C. 2,0 km
- D. 0,5 km.

Câu 6: Con đường ngắn nhất nối Thái Bình Dương và Đại Tây Dương là:

- A. Kênh Xuy-ê.
- B. Kênh Ki-en.
- C. Kênh Von-ga.
- D. Kênh Pa-na-ma.

Câu 7: Nhân tố ảnh hưởng đến sức mua và nhu cầu dịch vụ là:

- A. Truyền thống văn hóa, phong tục tập quán.
- B. Mức sống và thu nhập thực tế của người dân.
- C. Quy mô, cơ cấu dân số.
- D. Phân bố dân cư và mạng lưới quần cư.

Câu 8: Ngành giao thông vận tải trẻ tuổi, có tốc độ phát triển nhanh, sử dụng có hiệu quả những thành tựu mới nhất của khoa học kỹ thuật là:

- A. Đường ô tô.
- B. Đường ống.
- C. Đường hàng không.
- D. Đường biển.

Câu 9: Nhân tố quyết định sự phát triển và phân bố ngành giao thông vận tải là:

- A. Khí hậu và thời tiết.
- B. Điều kiện tự nhiên.
- C. Sự phát triển và phân bố các ngành kinh tế quốc dân.
- D. Phân bố dân cư.

Câu 10: Kênh đào Xuy-ê thuộc nước:

- A. Ai Cập.
- B. Hoa Kỳ.
- C. Pháp.
- D. Pa-na-ma.

Câu 11: Sản phẩm của ngành giao thông vận tải là:

- A. Sự chuyên chở người và hàng hóa.
- B. Cung cấp vật tư, nguyên liệu cho cơ sở sản xuất.
- C. Đưa sản phẩm đến thị trường tiêu thụ.
- D. Phục vụ nhu cầu đi lại của nhân dân.

Câu 12: Năm 2010, nước ta có giá trị xuất khẩu 72236,7 triệu USD, giá trị nhập khẩu 84838,6 triệu USD. Cán cân xuất nhập khẩu là:

A. 157075,3 triệu USD.
C. -157075,3 triệu USD.

B. -12601,9 triệu USD.
D. 12601,9 triệu USD.

II/ TỰ LUẬN

Câu 1. (3,5 điểm)

Nêu khái niệm và các cách phân loại tài nguyên thiên nhiên. Theo khả năng bị hao kiệt trong quá trình sử dụng của con người, xếp nước vào loại tài nguyên có thể bị hao kiệt được không? Tại sao?

Câu 2. (3,5 điểm)

Cho bảng số liệu:

KHỐI LƯỢNG HÀNG HÓA LUÂN CHUYỂN THEO NGÀNH VẬN TẢI NƯỚC TA

(Đơn vị: Triệu tấn.km)

Năm	Đường bộ	Đường biển	Đường hàng không
2000	7.969,9	31.244,6	114,1
2005	17.668,3	61.872,4	239,3
2008	27.968,0	115.556,8	295,6
2010	36.179,0	145.521,4	426,8
2012	43.468,5	131.146,3	475,1

(Nguồn: Tổng cục thống kê)

- Vẽ biểu đồ đường thể hiện tốc độ tăng trưởng khối lượng hàng hóa luân chuyển phân theo ngành vận tải của nước ta trong giai đoạn 2000 – 2012. (Lấy năm 2000 = 100%)
- Qua biểu đồ đã vẽ, rút ra nhận xét.

Đáp án đề thi

I/ TRẮC NGHIỆM (0,25 điểm/1 câu)

Đáp án mã đề 132

1. D 2. D 3. B 4. C 5. A 6. D 7. B 8. C 9. C 10. A 11. A 12. B

II/ TỰ LUẬN

Câu 1. (3,5 điểm)

- Khái niệm: Tài nguyên thiên nhiên là các thành phần của tự nhiên (các vật thể và các lực tự nhiên) mà ở trình độ nhất định của sự phát triển lực lượng sản xuất chúng được sử dụng hoặc có thể được sử dụng làm phương tiện sản xuất và làm đối tượng tiêu dùng.
- Phân loại tài nguyên:
 - Theo thuộc tính tự nhiên: tài nguyên đất, tài nguyên nước,...
 - Theo công dụng kinh tế: tài nguyên nông nghiệp, tài nguyên công nghiệp, tài nguyên du lịch,...
 - Theo khả năng có thể bị hao kiệt trong quá trình sử dụng của con người: tài nguyên có thể bị hao kiệt (tài nguyên không khôi phục được và tài nguyên khôi phục được), tài nguyên không bị hao kiệt.
- Không thể xếp nước vào loại tài nguyên có thể bị hao kiệt.
- Vì nước là loại tài nguyên có trữ lượng lớn trên Trái Đất và tuần hoàn nước trên Trái Đất khiến nước chuyển hóa từ dạng này sang dạng khác chứ không mất đi.

Câu 2. (3,5 điểm)

a. Vẽ biểu đồ

- Xử lý số liệu

Đơn vị: %

Năm	2000	2005	2008	2010	2012
-----	------	------	------	------	------

Đường bộ	100	221,7	350,8	453,9	545,4
Đường biển	100	198,0	369,8	465,7	419,7
Đường hàng không	100	209,7	259,0	374,0	416,4

- Vẽ biểu đồ đường, các loại khác không chấm điểm

Yêu cầu: thẩm mỹ, chính xác. Thiếu hoặc sai 1 lỗi trừ 0,5 điểm.

b. Nhận xét:

- Nhìn chung trong giai đoạn 2000-2012, tốc độ tăng trưởng khối lượng luân chuyển hàng hóa theo ngành vận tải đều tăng:
- Tăng nhanh nhất là đường ô tô (545,4 %), thấp nhất là đường hàng không (416,4 %)
- Tốc độ tăng trưởng khối lượng luân chuyển hàng hóa đường biển không ổn định nhưng vẫn tăng 419,7%

uigeli.xyz ĐỀ 7	ĐỀ THI HỌC KỲ II Môn Địa Lí 10 <i>Thời gian: 45 phút</i>
---------------------------	--

Câu 1. (2 điểm)

- Môi trường là gì? Môi trường tự nhiên và môi trường nhân tạo khác nhau như thế nào? (1,0đ)
- Để giải quyết vấn đề môi trường cần phải làm gì? Là học sinh em cần làm gì để bảo vệ môi trường? (1,5 đ)

Câu 2. (3,0 điểm)

- (1,5đ) Trình bày vai trò của ngành GTVT.
- (1,5 đ) Nhân tố tự nhiên ảnh hưởng như thế nào đến sự phát triển và phân bố các ngành GTVT. Cho ví dụ minh họa.

Câu 3. (2 điểm) Tại sao nói thương mại là khâu nối liền sản xuất với tiêu dùng?

Câu 4 (3 điểm) Cho bảng số liệu sau:

Cơ cấu sử dụng các loại năng lượng trong sản xuất và sinh hoạt của thế giới năm 2007

Các loại năng lượng	%
Dầu mỏ	35,6
Khí tự nhiên	23,8
Than	28,6
Năng lượng hạt nhân	5,6
Thủy điện	6,4

Vẽ biểu đồ thể hiện cơ cấu sử dụng các loại năng lượng trong sản xuất và sinh hoạt của thế giới 2007 và rút ra nhận xét.

..... Hết

ĐÁP ÁN VÀ THANG ĐIỂM MÔN ĐỊA LÝ

NĂM HỌC 2013-2014

Câu	Đáp án	Số điểm
Câu 1. (2,0 điểm)	<p><i>a. Môi trường</i> Là không gian bao quanh trái đất, có quan hệ trực tiếp đến tồn tại và phát triển của loài người. Môi trường sống của con người là hoàn cảnh bao quanh con người, ảnh hưởng đến sự sống và phát triển của con người. <i>Sự khác nhau :</i> Môi trường tự nhiên là cái có sẵn của tự nhiên, không phụ thuộc con người. Môi trường nhân tạo là kết quả lao động của con người, tồn tại hoàn toàn phụ thuộc vào con người.</p> <p><i>b. Giải quyết vấn đề môi trường cần:</i> - Chấm dứt chiến tranh, chấm dứt chạy đua vũ trang. - Giúp các nước đang phát triển thoát khỏi cảnh đói nghèo. - Áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật kiểm soát tình trạng môi trường. - Sử dụng hợp lý tài nguyên, giảm tác động xấu đến môi trường.</p> <p><i>* Là học sinh em cần :</i> Trồng cây xanh, không xả rác bừa bãi, tuyên truyền mọi người xung quanh cùng bảo vệ môi trường.</p>	<p>0,25 đ</p> <p>0,25 đ</p> <p>0,25 đ</p> <p>0,25 đ</p> <p>0,25 đ</p> <p>0,25 đ</p> <p>0,5 đ</p>
Câu 2. (3,0 điểm)	<p><i>a. Vai trò:</i> - Tham gia cung ứng vật tư kỹ thuật nguyên nhiên liệu cho cơ sở sx và đưa sản phẩm đến thị trường tiêu thụ. - Phục vụ nhu cầu đi lại của người dân. - Giúp thực hiện mối liên hệ kinh tế, xã hội giữa các địa phương - Góp phần thúc đẩy kinh tế văn hóa ở vùng sâu vùng, - Tăng cường sức mạnh quốc phòng. - Tạo mối giao lưu kinh tế văn hóa giữa các nước trên thế giới.</p> <p><i>b. Nhân tố ĐKTN:</i> - ĐKTN quy định sự có mặt và vai trò của một số loại hình GTVT. Vd: hoang mạc có phương tiện lạc đà, vùng đbscl phát triển mạnh là GT đường thủy,... - ĐKTN có ảnh hưởng lớn đến công tác thiết kế và khai thác các công trình GTVT. Vd: vùng mạng lưới sông ngòi dày đặc tốn nhiều chi phí</p>	<p>0,25đ</p> <p>0,25đ</p> <p>0,25đ</p> <p>0,25đ</p> <p>0,25đ</p> <p>0,25đ</p> <p>0,5 đ</p> <p>0,5 đ</p>

	cho việc thiết kế cầu, đường, ... - Khí hậu và thời tiết có ảnh hưởng sâu sắc đến hoạt động của các phương tiện GTVT. Vd: băng tuyết, mưa bão, sương mù ảnh hưởng đến hoạt động GTVT	0.5 đ
Câu 3. (2,0 điểm)	Thương mại tác động đến thay đổi quy mô số lượng và chất lượng sản xuất, Thay đổi thị hiếu tiêu dùng, nhu cầu tiêu dùng của xã hội.	1,0 đ 1,0 đ
Câu 4 (3 điểm)	- Vẽ biểu đồ tròn, khoảng cách chính xác, có tên biểu đồ, chú thích. - Nhận xét:	2 điểm 0.25 điểm 0.75 điểm

uigeli.xyz ĐỀ 8	ĐỀ THI HỌC KỲ II Môn Địa Lí 10 <i>Thời gian: 45 phút</i>
---------------------------	--

Câu 1:(3đ) Trình bày vai trò của sản xuất công nghiệp

Câu 2:(3đ) Phân tích các nhân tố ảnh hưởng tới sự phát triển và phân bố các ngành dịch vụ

Câu 3:(4 đ) Cho bảng số liệu:

Tình hình sản xuất một số sản phẩm công nghiệp của thế giới, thời kì 1950 - 2003

	1950	1960	1970	1980	1990	2003
Than (triệu Tấn)	1820	2603	2936	3770	3387	5300
Dầu mỏ (triệu Tấn)	523	1052	2336	3066	3331	3904
Điện (tỉ kWh)	967	2304	4962	8247	11832	14851
Thép(triệu Tấn)	189	346	594	682	770	870

Hãy vẽ biểu đồ đường thể hiện tốc độ tăng trưởng các sản phẩm than, dầu mỏ, điện, thép của thế giới thời kỳ 1950 - 2003. Nhận xét tốc độ tăng trưởng của các sản phẩm đó.

ĐÁP ÁN:

Câu 1:(3đ) ***Trình bày vai trò của sản xuất công nghiệp***

Vai trò của sản xuất công nghiệp:

- Có vai trò chủ đạo trong nền kinh tế.
- Thúc đẩy sự phát triển của các ngành kinh tế khác và củng cố an ninh quốc phòng.
- Tạo điều kiện khai thác hiệu quả các nguồn tài nguyên thiên nhiên, làm thay đổi sự phân công lao động và giảm sự chênh lệch về trình độ phát triển giữa các vùng lãnh thổ.
- Sản xuất ra các sản phẩm mới, tạo khả năng mở rộng sản xuất, mở rộng thị trường lao động và tăng thu nhập.

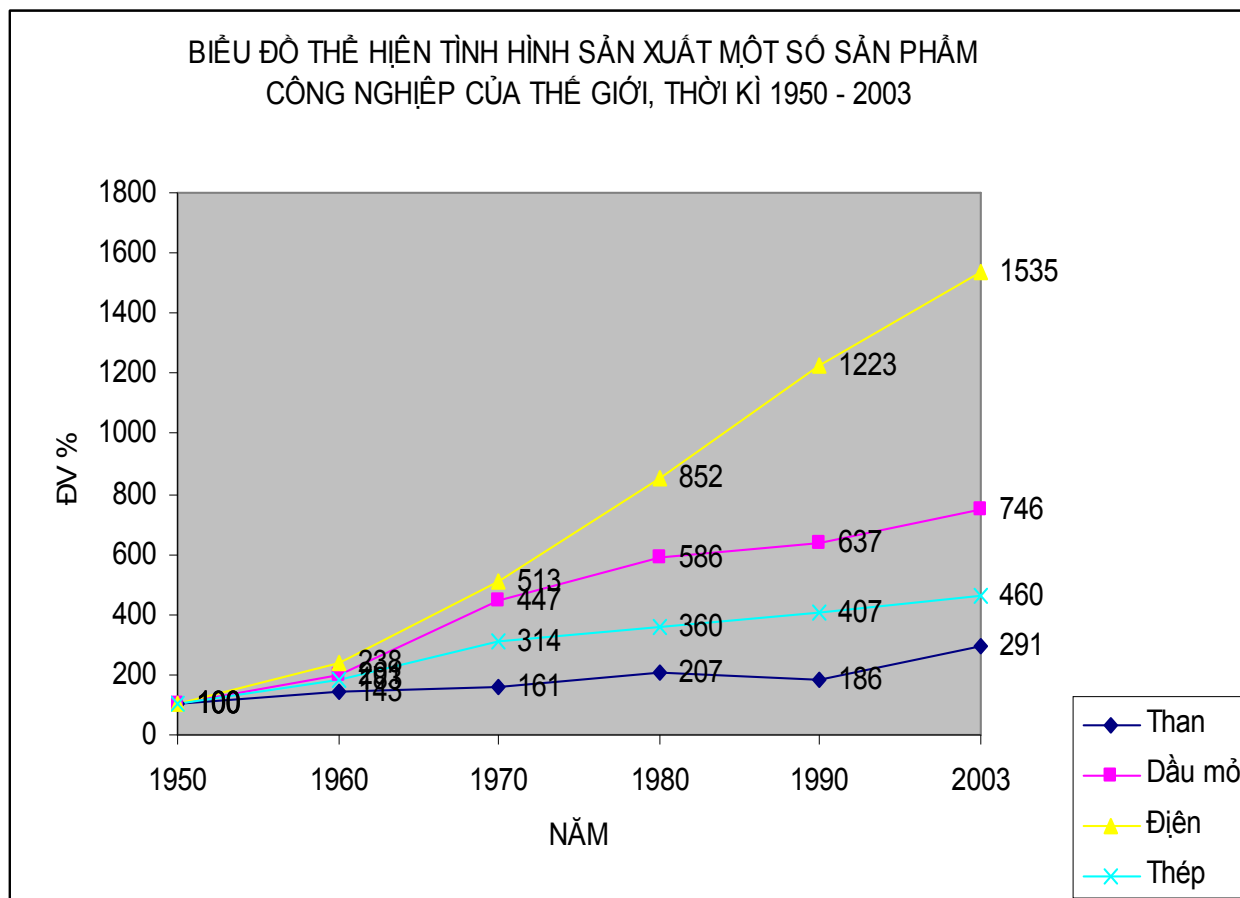
Câu 2:(3đ) ***Các nhân tố ảnh hưởng tới sự phát triển và phân bố các ngành dịch vụ:***

- Trình độ phát triển của nền kinh tế đất nước và năng suất lao động xã hội.
- Số dân, kết cấu tuổi, giới tính, sự gia tăng dân số và sức mua của dân cư.
- Phân bố dân cư và mạng lưới quần cư.

- Mức sống và thu nhập thực tế.
- Truyền thống văn hoá, phong tục tập quán của dân cư.
- Sự phân bố các tài nguyên thiên nhiên, di sản văn hóa, lịch sử, cơ sở hạ tầng có ảnh hưởng đặc biệt quan trọng đối với việc hình thành các điểm du lịch.

Câu 3: (4đ) Vẽ biểu đồ và nhận xét

- **Vẽ đúng. (2,5đ)** (Thiếu Tên biểu đồ: - 0,5đ ; thiếu đơn vị - 0,25đ)



- **Nhận xét: (1,5đ)**

- Đây là sản phẩm của các ngành công nghiệp năng lượng, luyện kim

- Trong các sản phẩm trên các ngành công nghiệp điện, dầu mỏ, điện có chiều hướng tăng liên tục, tăng nhanh từ năm 1950 đến 2003, trong đó tăng nhanh nhất và có giá trị tăng trưởng cao nhất là công nghiệp điện lực.
- Công nghiệp khai thác than tăng trưởng không ổn định. Từ 1950 – đến 1980, công nghiệp khai thác than tăng nhanh nhưng đến năm 1990 có giảm nhẹ và đến năm 2003 lại tiếp tục tăng lên và đây là ngành có chỉ số gia tăng thấp nhất trong 4 sản phẩm công nghiệp trên.
- Nguyên nhân là do công nghiệp hóa với quy mô, phạm vi lớn, đời sống nhu cầu nhân dân tăng lên đã thúc đẩy công nghiệp điện phát triển nhanh chóng. Công nghiệp cơ khí, xây dựng phát triển nhanh, nhu cầu giao thông vận tải lớn nên thúc đẩy công nghiệp thép, dầu mỏ phát triển nhanh. Trong khi ngành than có nhiều biến động do vấn đề môi trường.

uigeli.xyz
ĐỀ 9

ĐỀ THI HỌC KỲ II
Môn Địa Lí 10
Thời gian: 45 phút

Câu 1(3đ)

a. Các đặc điểm của người lao động Nhật Bản có tác động như thế nào đến nền kinh tế - xã hội Nhật Bản?

b. Nguyên nhân làm cho nền kinh tế Nhật Bản phát triển “ thần kỳ” từ sau chiến tranh thế giới thứ hai?

Câu 2(4đ)

a. Chứng minh Đông Nam Á có đủ điều kiện để phát triển một nền nông nghiệp nhiệt đới điển hình?

b. Nêu các mục tiêu chính của ASEAN và giải thích tại sao mục tiêu của ASEAN lại nhấn mạnh đến sự ổn định?

Câu 3(3đ)

Cho bảng số liệu sau :

Giá trị xuất, nhập khẩu của các cường quốc thương mại thế giới năm 2004

Đơn vị : tỷ USD

Nước	Xuất Khẩu	Nhập Khẩu
Hoa Kỳ	818.5	1525.7
Đức	911.6	718.0
Trung Quốc	593.4	560.7
Nhật Bản	565.7	454.5
Pháp	423.8	442.0

1. Tính cán cân xuất nhập khẩu của các nước .

2. Vẽ biểu đồ thể hiện giá trị xuất khẩu, nhập khẩu của các nước .Nhận xét.

--- Hết ---

ĐÁP ÁN VÀ THANG ĐIỂM THI HỌC KỲ 2 MÔN ĐỊA LÝ 11

Câu	Nội dung	Điểm
Câu 1	<p>1. Các đặc điểm của người lao động Nhật Bản có tác động như thế nào đến nền kinh tế - xã hội Nhật Bản.(1.5đ)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đặc điểm lao động nhật Bản : Cần cù, tích cực, tự giác, trách nhiệm... Coi trọng giáo dục ... - Đất nước nghèo về tài nguyên nên người lao động có ý chí vươn lên tránh tinh thần trông chờ ỷ lại . - Cần cù , tự giác sẽ nâng cao năng suất lao động - Coi trọng giáo dục ...là tiền đề cải tiến kỹ thuật tạo ra người lao động có trình độ cao . <p>2. Nguyên nhân làm cho nền kinh tế Nhật Bản phát triển “ thần kỳ” (1.5đ)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tăng cường vốn đầu tư, hiện đại hóa trang thiết bị sản xuất... - Tập trung phát triển các ngành công nghiệp then chốt... - Duy trì kinh tế 2 tầng - Có sự hậu thuẫn của Hoa kỳ, chi phí quốc phòng thấp... - có sự điều chỉnh chiến lược sau năm 1980... 	<p>0.75</p> <p>0.25</p> <p>0.25</p> <p>0.25</p> <p>0.25</p> <p>0.25</p> <p>0.25</p> <p>0.25</p> <p>0.25</p>
Câu 2	<p>1. Chứng minh Đông Nam Á có đủ điều kiện để phát triển một nền nông nghiệp nhiệt đới điển hình(2đ)</p> <p>*Về điều kiện tự nhiên :</p> <ul style="list-style-type: none"> - Về khí hậu : có khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa, ngoài ra còn có khí hậu xích đạo, cận xích đạothuận lợi phát triển lúa nước và CCN ... - Địa hình – đất đai : Các đồng bằng châu thổ rộng lớn (d/c)...phát triển lương thực, thực phẩm - Đất ba dan trên núi trung du (d/c) phát triển CCN... - Sông ngòi (d/c) nguồn nước dồi dào , phù sa ... <p>*Về điều kiện kinh tế - xã hội</p>	<p>0.5</p> <p>0.25</p> <p>0.25</p> <p>0.25</p>

	<ul style="list-style-type: none"> - Nhân dân có nhiều kinh nghiệm - Có các tập quán sử dụng sản phẩm nông nghiệp nhiệt đới ... - Thị trường rộng lớn ... <p>2. Nêu các mục tiêu chính của ASEAN và giải thích tại sao mục tiêu của ASEAN lại nhấn mạnh đến sự ổn định(2đ)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thúc đẩy sự tiến bộ về văn hóa, giáo dục giữa các nước thành viên ... - Xây dựng ĐNÁ thành một khu vực hòa bình, ổn định có nền kinh tế... - Giải quyết những vấn đề khác biệt - Đoàn kết hợp tác vì một ASEAN hòa bình ổn định <p>* ASEAN nhấn mạnh đến ổn định vì :</p> <ul style="list-style-type: none"> - Sự ổn định về chính trị tạo cơ sở vững chắc cho kinh tế phát triển... - Các nước trong khu vực đều từng bị mất ổn định ...do bị xâm lược, tranh chấp chủ quyền lãnh thổ, biển –đảo, tôn giáo, sắc tộc ... 	<p>025</p> <p>025</p> <p>025</p> <p>025</p> <p>025</p> <p>025</p> <p>05</p> <p>025</p> <p>05</p>
Câu 3	<p>1. Tính cán cân = giá trị XK – giá trị nhập khẩu</p> <p>2. Vẽ biểu đồ cột ghép, các loại khác không cho điểm, yêu cầu đúng, đẹp, chính xác, chú thích, tên biểu đồ</p> <p>3. Nhận xét :</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giá trị XNK các nước đều rất lớn trong đó lớn nhất là Hoa Kỳ (d/c)... - Hoa kỳ và pháp nhập siêu còn lại các nước xuất siêu . 	<p>0.5</p> <p>1.5</p> <p>0.5</p> <p>0.5</p>
Tổng		10.0

uigeli.xyz ĐỀ 10	ĐỀ THI HỌC KỲ II Môn Địa Lí 10 <i>Thời gian: 45 phút</i>
----------------------------	--

Câu 1:(3đ) Trình bày vai trò của sản xuất công nghiệp

Câu 2:(3đ) Phân tích các nhân tố ảnh hưởng tới sự phát triển và phân bố các ngành dịch vụ

Câu 3:(4 đ) Cho bảng số liệu:

Tình hình sản xuất một số sản phẩm công nghiệp của thế giới, thời kì 1950 - 2003

	1950	1960	1970	1980	1990	2003
Than (triệu Tấn)	1820	2603	2936	3770	3387	5300
Dầu mỏ (triệu Tấn)	523	1052	2336	3066	3331	3904
Điện (tỉ kWh)	967	2304	4962	8247	11832	14851
Thép(triệu Tấn)	189	346	594	682	770	870

Hãy vẽ biểu đồ đường thể hiện tốc độ tăng trưởng các sản phẩm than, dầu mỏ, điện, thép của thế giới thời kỳ 1950 - 2003. Nhận xét tốc độ tăng trưởng của các sản phẩm đó.

ĐÁP ÁN:

Câu 1:(3đ) *Trình bày vai trò của sản xuất công nghiệp*

Vai trò của sản xuất công nghiệp:

- Có vai trò chủ đạo trong nền kinh tế.
- Thúc đẩy sự phát triển của các ngành kinh tế khác và củng cố an ninh quốc phòng.
- Tạo điều kiện khai thác hiệu quả các nguồn tài nguyên thiên nhiên, làm thay đổi sự phân công lao động và giảm sự chênh lệch về trình độ phát triển giữa các vùng lãnh thổ.
- Sản xuất ra các sản phẩm mới, tạo khả năng mở rộng sản xuất, mở rộng thị trường lao động và tăng thu nhập.

Câu 2:(3đ) *Các nhân tố ảnh hưởng tới sự phát triển và phân bố các ngành dịch vụ:*

- Trình độ phát triển của nền kinh tế đất nước và năng suất lao động xã hội.
- Số dân, kết cấu tuổi, giới tính, sự gia tăng dân số và sức mua của dân cư.
- Phân bố dân cư và mạng lưới quần cư.
- Mức sống và thu nhập thực tế.
- Truyền thống văn hoá, phong tục tập quán của dân cư.
- Sự phân bố các tài nguyên thiên nhiên, di sản văn hóa, lịch sử, cơ sở hạ tầng có ảnh hưởng đặc biệt quan trọng đối với việc hình thành các điểm du lịch.

Câu 3: (4đ) Vẽ biểu đồ và nhận xét

- **Vẽ đúng. (2,5đ)** (Thiếu Tên biểu đồ: - 0,5đ ; thiếu đơn vị - 0,25đ)

- **Nhận xét: (1,5đ)**

- Đây là sản phẩm của các ngành công nghiệp nặng lượng, luyện kim

- Trong các sản phẩm trên các ngành công nghiệp điện, dầu mỏ, điện có chiều hướng tăng liên tục, tăng nhanh từ năm 1950 đến 2003, trong đó tăng nhanh nhất và có giá trị tăng trưởng cao nhất là công nghiệp điện lực.
- Công nghiệp khai thác than tăng trưởng không ổn định. Từ 1950 – đến 1980, công nghiệp khai thác than tăng nhanh nhưng đến năm 1990 có giảm nhẹ và đến năm 2003 lại tiếp tục tăng lên và đây là ngành có chỉ số gia tăng thấp nhất trong 4 sản phẩm công nghiệp trên.
- Nguyên nhân là do công nghiệp hóa với quy mô, phạm vi lớn, đời sống nhu cầu nhân dân tăng lên đã thúc đẩy công nghiệp điện phát triển nhanh chóng. Công nghiệp cơ khí, xây dựng phát triển nhanh, nhu cầu giao thông vận tải lớn nên thúc đẩy công nghiệp thép, dầu mỏ phát triển nhanh. Trong khi ngành than có nhiều biến động do vấn đề môi trường.